

Nghị quyết số: 188/2025/QH15

NGHỊ QUYẾT

Thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù, đặc biệt để phát triển hệ thống mạng lưới đường sắt đô thị tại thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh

QUỐC HỘI

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 63/2020/QH14;

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù, đặc biệt để phát triển hệ thống mạng lưới đường sắt đô thị tại thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi là Thành phố).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội.
- Tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội và tổ chức xã hội - nghề nghiệp.
- Các tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài khác có liên quan.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị quyết này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Phát triển đô thị theo định hướng giao thông công cộng (sau đây gọi là TOD)* là giải pháp quy hoạch, đầu tư cải tạo, chỉnh trang và phát triển đô thị, lấy điểm kết nối giao thông đường sắt đô thị làm điểm tập trung dân cư, kinh doanh dịch vụ thương mại, văn phòng trong khoảng cách đi bộ đến phương tiện giao thông công cộng nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng đất, công trình công cộng, sức khoẻ cộng đồng, giảm phương tiện giao thông cơ giới cá nhân, giảm phát thải gây ô nhiễm môi trường, kết hợp với bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa.

2. *Quy hoạch khu vực TOD* là quy hoạch được phát triển chuyên biệt theo định hướng ưu tiên đi lại bằng giao thông công cộng cho khu vực bao gồm nhà ga

hoặc đề-pô đường sắt đô thị và vùng phụ cận để xây dựng tuyến đường sắt đô thị kết hợp đầu tư cải tạo, chỉnh trang đô thị, phát triển đô thị.

3. Dự án đường sắt đô thị theo mô hình TOD là dự án đầu tư đường sắt đô thị kết hợp với đầu tư phát triển đô thị trong khu vực TOD.

Điều 4. Về huy động và bố trí nguồn vốn đầu tư

1. Trong quá trình chuẩn bị đầu tư, thực hiện đầu tư các dự án thuộc danh mục dự án dự kiến tại Phụ lục kèm theo Nghị quyết này, Thủ tướng Chính phủ được quyết định các nội dung sau đây:

a) Căn cứ khả năng cân đối, bố trí kế hoạch đầu tư công trung hạn, hằng năm vốn ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho ngân sách địa phương tối đa không vượt 215.350 tỷ đồng (hai trăm mười lăm nghìn, ba trăm năm mươi tỷ đồng) cho thành phố Hà Nội và tối đa không vượt 209.500 tỷ đồng (hai trăm lẻ chín nghìn, năm trăm tỷ đồng) cho Thành phố Hồ Chí Minh trong các kỳ kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 và 2031 - 2035 làm cơ sở quyết định đầu tư và thực hiện đầu tư các dự án.

Việc phân bổ vốn quy định tại điểm này được sử dụng nguồn tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách trung ương hằng năm (nếu có) và các nguồn vốn hợp pháp khác; trường hợp sử dụng nguồn tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách trung ương hằng năm thì không phải thực hiện thứ tự ưu tiên theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước;

b) Huy động vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), vốn vay ưu đãi nước ngoài để thực hiện các dự án và không phải lập đề xuất dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài theo quy định của pháp luật có liên quan; áp dụng theo quy định của nhà tài trợ nước ngoài trong trường hợp pháp luật Việt Nam chưa có quy định hoặc đã có quy định nhưng khác với quy định của nhà tài trợ nước ngoài.

2. Hội đồng nhân dân Thành phố có trách nhiệm cân đối, bố trí kế hoạch đầu tư công trung hạn, hằng năm vốn ngân sách địa phương làm cơ sở quyết định đầu tư và thực hiện đầu tư các dự án thuộc danh mục dự án dự kiến tại Phụ lục kèm theo Nghị quyết này từ các nguồn sau đây:

a) Ngân sách địa phương trong các kỳ trung hạn và hằng năm bao gồm cả vốn vay nước ngoài của Chính phủ cho vay lại, vốn trái phiếu chính quyền địa phương;

b) Nguồn tăng thu, tiết kiệm chi hằng năm (nếu có) mà không phải thực hiện thứ tự ưu tiên theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước;

c) Các nguồn vốn hợp pháp khác.

3. Các dự án thuộc danh mục dự án dự kiến tại Phụ lục kèm theo Nghị quyết này được bố trí vốn qua các kỳ kế hoạch đầu tư công trung hạn, mức vốn bố trí mỗi kỳ kế hoạch đầu tư công trung hạn phù hợp với tiến độ thực hiện từng dự án

và không giới hạn phân vốn chuyển tiếp của các dự án sang kỳ kế hoạch đầu tư công trung hạn tiếp theo.

4. Ủy ban nhân dân Thành phố được quyết định bố trí vốn từ ngân sách địa phương trong kế hoạch đầu tư công trung hạn và kế hoạch đầu tư công hằng năm trước khi có quyết định đầu tư để triển khai thực hiện một số hoạt động phục vụ cho dự án đường sắt đô thị, dự án đường sắt đô thị theo mô hình TOD sau đây:

a) Nhiệm vụ chi của chủ đầu tư, đơn vị quản lý dự án; đào tạo nguồn nhân lực của cơ quan nhà nước, đơn vị quản lý dự án, đơn vị vận hành khai thác, cơ sở đào tạo, cơ sở nghiên cứu;

b) Chi trả dịch vụ tư vấn;

c) Chi trả cho hoạt động quy hoạch liên quan đến phương án tuyến công trình, vị trí công trình trên tuyến đường sắt đô thị và quy hoạch khu vực TOD;

d) Thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư;

đ) Thực hiện công tác truyền thông và công việc khác phục vụ chuẩn bị đầu tư dự án.

5. Để thực hiện các dự án đường sắt đô thị, dự án đường sắt đô thị theo mô hình TOD, Ủy ban nhân dân Thành phố được quyết định:

a) Sử dụng dự phòng ngân sách địa phương hằng năm;

b) Ứng trước dự toán ngân sách địa phương năm sau bảo đảm không quá 50% dự toán chi đầu tư xây dựng cơ bản năm thực hiện của các công trình xây dựng cơ bản thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương đã được phê duyệt.

Điều 5. Về trình tự, thủ tục đầu tư dự án đường sắt đô thị, dự án đường sắt đô thị theo mô hình TOD

1. Dự án đường sắt đô thị, dự án đường sắt đô thị theo mô hình TOD được thực hiện ngay việc lập, thẩm định, quyết định đầu tư dự án mà không phải thực hiện thủ tục lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư và các thủ tục khác có liên quan đến quyết định chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật có liên quan.

2. Ủy ban nhân dân Thành phố có thẩm quyền sau đây:

a) Tổ chức lập, thẩm định, quyết định đầu tư và quyết định điều chỉnh dự án đường sắt đô thị, dự án đường sắt đô thị theo mô hình TOD theo trình tự, thủ tục tương tự như dự án nhóm A do địa phương quản lý theo quy định của pháp luật có liên quan;

b) Quyết định việc phân chia dự án đường sắt đô thị, dự án đường sắt đô thị theo mô hình TOD thành các dự án thành phần, tiểu dự án khi quyết định đầu tư. Việc phân chia dự án thành phần, tiểu dự án không phải áp dụng theo quy định của pháp luật về xây dựng;

c) Quyết định gia hạn thời gian thực hiện dự án đường sắt đô thị, dự án đường sắt đô thị theo mô hình TOD trong trường hợp không làm tăng tổng mức đầu tư thì không phải thực hiện thủ tục điều chỉnh dự án;

d) Quyết định các công trình đường sắt đô thị (nhà ga, nút giao, cầu, các hạng mục công trình liên quan thuộc dự án đường sắt đô thị) không phải thi tuyển phương án kiến trúc;

đ) Được quyết định việc áp dụng các hình thức chi định thầu đối với việc lựa chọn nhà thầu tư vấn, phi tư vấn, thi công; nhà thầu EPC, chìa khóa trao tay; nhà đầu tư các dự án đường sắt đô thị, dự án đường sắt đô thị theo mô hình TOD; trình tự, thủ tục thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu;

e) Tách công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thành dự án độc lập trên cơ sở phương án tuyển công trình, vị trí công trình trên tuyến đường sắt đô thị đã được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận hoặc quy hoạch khu vực TOD đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Việc lập, thẩm định, quyết định đầu tư dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định của pháp luật về đầu tư công.

3. Dự án đường sắt đô thị, công trình đường sắt đô thị thuộc dự án đường sắt đô thị theo mô hình TOD được lập thiết kế kỹ thuật tổng thể (FEED) thay thế cho thiết kế cơ sở trong Báo cáo nghiên cứu khả thi; việc lựa chọn nhà thầu EPC được thực hiện trên cơ sở dự án đầu tư được phê duyệt; chủ đầu tư được quyết định việc phê duyệt đối với các bước thiết kế sau thiết kế FEED.

4. Việc lập tổng mức đầu tư, dự toán gói thầu được quy định như sau:

a) Đối với các hạng mục công việc có nhưng chưa phù hợp hoặc chưa có trong hệ thống định mức, đơn giá xây dựng, vận hành và bảo trì công trình được cấp có thẩm quyền ban hành, dự án đường sắt đô thị, công trình đường sắt đô thị thuộc dự án đường sắt đô thị theo mô hình TOD được áp dụng hệ thống định mức, đơn giá xây dựng, vận hành và bảo trì do các tổ chức quốc tế công bố hoặc của dự án đường sắt đô thị tương tự trên thế giới và được quy đổi về thời điểm tính toán;

b) Đối với hạng mục không thể xác định chi phí theo quy định tại điểm a khoản này được xác định chi phí theo suất vốn đầu tư của dự án đường sắt đô thị tương tự trên thế giới và được quy đổi về thời điểm tính toán;

c) Đối với các khoản mục chi phí chưa được quy định trong pháp luật Việt Nam hoặc đã có quy định trong pháp luật Việt Nam nhưng chưa phù hợp với các dự án đường sắt đô thị có tính chất, điều kiện triển khai tương tự được áp dụng các khoản mục chi phí như dự án đường sắt đô thị có tính chất, điều kiện triển khai tương tự trên thế giới.

5. Tập đoàn Điện lực Việt Nam chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện công tác di dời công trình điện có điện áp từ 110KV trở lên phục vụ công tác thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

Điều 6. Về phát triển đô thị theo mô hình TOD

1. Việc lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh phương án tuyến công trình, vị trí công trình trên tuyến đường sắt đô thị, quy hoạch khu vực TOD được quy định như sau:

a) Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh phương án tuyến công trình, vị trí công trình trên tuyến đường sắt đô thị, quy hoạch khu vực TOD để xác định vị trí, ranh giới, diện tích đất thu hồi. Trong khu vực TOD, Ủy ban nhân dân Thành phố được quyết định các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật, chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch khác với quy định tại quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch đô thị và nông thôn nhưng phải bảo đảm đáp ứng về hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội; được điều chỉnh chức năng sử dụng các khu đất trong khu vực TOD để khai thác quỹ đất và giá trị tăng thêm từ đất, phát triển các tuyến đường sắt đô thị, phát triển đô thị trong khu vực TOD;

b) Khi lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh phương án tuyến công trình, vị trí công trình trên tuyến đường sắt đô thị, quy hoạch khu vực TOD, Ủy ban nhân dân Thành phố được quyết định các nội dung khác với quy hoạch đô thị và nông thôn, quy hoạch sử dụng đất, kế hoạch sử dụng đất đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt mà không phải thực hiện thủ tục điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất và các quy hoạch có liên quan. Sau khi phương án tuyến công trình, vị trí công trình trên tuyến đường sắt đô thị, quy hoạch khu vực TOD được phê duyệt, kế hoạch sử dụng đất, các quy hoạch khác có liên quan phải được kịp thời rà soát, điều chỉnh, cập nhật và công bố.

2. Căn cứ quy hoạch khu vực TOD được phê duyệt, Ủy ban nhân dân Thành phố được quyết định việc chuyển nhượng chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch giữa các dự án, công trình trong khu vực TOD.

3. Hội đồng nhân dân Thành phố quy định chi tiết Điều này.

Điều 7. Phát triển công nghiệp đường sắt, chuyển giao công nghệ và đào tạo nguồn nhân lực

1. Ủy ban nhân dân Thành phố được quyết định lựa chọn áp dụng quy chuẩn, tiêu chuẩn cho các tuyến đường sắt đô thị của Thành phố sau khi có ý kiến thống nhất của Bộ Xây dựng mà không phải thực hiện thủ tục phê duyệt theo quy định của pháp luật có liên quan.

2. Việc phát triển khoa học, công nghệ và đào tạo phát triển nguồn nhân lực cho các dự án đường sắt đô thị được quy định như sau:

a) Tổ chức, cá nhân chủ trì hoạt động khoa học, công nghệ phục vụ dự án được áp dụng và hưởng các chính sách sau đây:

a1) Quyết định lựa chọn hình thức đấu thầu hạn chế, chỉ định thầu hoặc đặt hàng để lựa chọn nhà thầu cung cấp dịch vụ, hàng hóa;

a2) Doanh nghiệp được hưởng ưu đãi như doanh nghiệp công nghệ cao theo quy định của pháp luật về công nghệ cao trong thời gian thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ phục vụ dự án;

a3) Thu nhập của doanh nghiệp và thu nhập của cá nhân từ việc thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ phục vụ dự án được miễn thuế;

b) Tổ chức, cá nhân tham gia đào tạo phát triển nguồn nhân lực công nghệ cao phục vụ dự án được hưởng các chính sách ưu đãi theo quy định của pháp luật về công nghệ cao.

3. Việc phát triển công nghiệp và chuyển giao công nghệ được quy định như sau:

a) Chính phủ quy định tiêu chí lựa chọn tổ chức, doanh nghiệp nhà nước được giao nhiệm vụ hoặc tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam được đặt hàng cung cấp dịch vụ, hàng hóa công nghiệp đường sắt, nghiên cứu, ứng dụng, nhận chuyển giao công nghệ;

b) Thủ tướng Chính phủ quyết định danh mục dịch vụ, hàng hóa công nghiệp đường sắt được giao nhiệm vụ cho tổ chức, doanh nghiệp nhà nước hoặc đặt hàng cho tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam;

c) Tổng thầu, nhà thầu phải ưu tiên sử dụng các sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ mà trong nước có thể sản xuất, cung cấp;

d) Đối với gói thầu được tổ chức đấu thầu quốc tế, hồ sơ mời thầu phải có điều kiện cam kết của tổng thầu, nhà thầu nước ngoài về việc chuyển giao công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực cho đối tác Việt Nam để làm chủ công tác quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì, từng bước làm chủ công nghệ.

Điều 8. Chính sách về vật liệu xây dựng và bãi đổ thải

1. Việc khai thác khoáng sản nhóm IV và khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường thuộc khoáng sản nhóm III theo quy định của Luật Địa chất và khoáng sản (sau đây gọi là khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường) phục vụ các dự án đường sắt đô thị, công trình đường sắt đô thị thuộc dự án đường sắt đô thị theo mô hình TOD được quy định như sau:

a) Đối với các mỏ khoáng sản đã được cấp phép, đang hoạt động, còn thời hạn khai thác hoặc đã hết thời hạn khai thác, còn trữ lượng nhưng chưa thực hiện thủ tục đóng cửa mỏ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định:

a1) Điều chỉnh trữ lượng khai thác, kéo dài thời hạn khai thác mỏ, nâng công suất theo nhu cầu của các dự án mà không phải thực hiện thủ tục điều chỉnh quy hoạch tỉnh; không phải lập dự án đầu tư khai thác khoáng sản điều chỉnh để thực hiện trình tự, thủ tục quyết định hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư; không phải thực hiện thủ tục thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, cấp giấy phép môi trường và đăng ký môi trường nhưng phải bảo đảm yêu cầu về an toàn lao động, bảo vệ môi trường trong khai thác;

a2) Dừng việc nâng công suất khai thác sau khi đã cung cấp đủ cho dự án;

b) Đối với các mỏ khoáng sản nằm trong hồ sơ khảo sát vật liệu xây dựng phục vụ dự án nhưng chưa cấp giấy phép khai thác:

b1) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường mà không phải đấu giá quyền khai thác khoáng sản. Đối với các mỏ vật liệu xây dựng thông thường đã được đưa vào kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản được điều chỉnh, đưa ra khỏi kế hoạch đấu giá để cấp giấy phép khai thác mà không phải đấu giá quyền khai thác khoáng sản; việc cấp phép khai thác được thực hiện tương tự như việc cấp phép khai thác khoáng sản nhóm IV quy định tại điểm a khoản 2 Điều 72 và điểm c, điểm d khoản 2 Điều 73 của Luật Địa chất và khoáng sản;

b2) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định điều chỉnh, bổ sung các mỏ khoáng sản này vào phương án quản lý về địa chất, khoáng sản trong quy hoạch tỉnh mà không phải thực hiện thủ tục điều chỉnh quy hoạch tỉnh;

b3) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh sử dụng nguồn dự phòng của dự án để tổ chức thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khu vực mỏ sau khi đã được khảo sát, đánh giá về trữ lượng, chất lượng theo yêu cầu của các dự án và các nội dung khác theo quy định của pháp luật về địa chất và khoáng sản để cấp mỏ cho tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản phục vụ dự án;

b4) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm quản lý, giám sát quá trình thực hiện và quản lý sau khi hoàn thành dự án;

b5) Tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản phục vụ dự án chịu trách nhiệm nộp thuế, phí và nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật;

b6) Việc khai thác, sử dụng khoáng sản được thực hiện đến khi hoàn thành dự án và phải chịu sự quản lý, giám sát theo quy định của pháp luật;

c) Trường hợp đã khai thác hết trữ lượng khoáng sản tại các mỏ khoáng sản nằm trong hồ sơ khảo sát vật liệu xây dựng phục vụ các dự án đường sắt đô thị, công trình đường sắt đô thị thuộc dự án đường sắt đô thị theo mô hình TOD nhưng vẫn chưa đáp ứng đủ nhu cầu cung cấp vật liệu xây dựng cho các dự án, chủ đầu tư chủ trì tổ chức khảo sát, đề xuất Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định bổ sung mới các mỏ khoáng sản vào hồ sơ khảo sát vật liệu xây dựng phục vụ các dự án; việc quản lý, khai thác, sử dụng khoáng sản tại các mỏ khoáng sản bổ sung mới thực hiện như quy định tại điểm b khoản này;

d) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ điều kiện thực tế để xem xét, hướng dẫn tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản phục vụ các dự án đường sắt đô thị, công trình đường sắt đô thị thuộc dự án đường sắt đô thị theo mô hình TOD tự lập đánh giá tác động tới lòng, bờ, bãi sông đối với mỏ cát, sỏi lòng sông nằm ở đoạn sông, suối có nguy cơ sạt lở cao bảo đảm tuân thủ quy định về quản lý cát, sỏi lòng sông và bảo vệ lòng, bờ, bãi sông; kiểm tra, kiểm soát việc sử dụng khoáng sản theo quy định của pháp luật.

2. Về bãi đổ chất thải rắn xây dựng và tầng đất mặt của đất chuyên trồng lúa nước phục vụ các dự án đường sắt đô thị, công trình đường sắt đô thị thuộc dự án

đường sắt đô thị theo mô hình TOD, Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định hoặc đề nghị Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan quyết định:

a) Thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khu vực bãi đổ chất thải rắn xây dựng trong hồ sơ khảo sát dự án và bàn giao mặt bằng cho nhà thầu để đổ chất thải rắn xây dựng của dự án;

b) Tổ chức quản lý bãi đổ chất thải rắn xây dựng của dự án theo quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật về môi trường và quy định khác của pháp luật có liên quan;

c) Tổ chức xây dựng phương án sử dụng tầng đất mặt của đất chuyên trồng lúa nước thu hồi từ các dự án. Việc xây dựng phương án sử dụng tầng đất mặt của đất chuyên trồng lúa nước thu hồi từ các dự án thực hiện theo quy định của pháp luật về trồng trọt.

Điều 9. Các quy định áp dụng riêng cho Thành phố Hồ Chí Minh

1. Trong khu vực TOD, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh được thu và sử dụng 100% đối với các khoản thu sau đây để phát triển hệ thống đường sắt đô thị, hệ thống giao thông công cộng, hạ tầng kỹ thuật kết nối với hệ thống vận tải hành khách công cộng:

a) Tiền thu đối với diện tích sàn xây dựng tăng thêm của dự án xây dựng công trình dân dụng do việc tăng hệ số sử dụng đất và các chỉ tiêu quy hoạch khác của khu vực TOD;

b) Tiền thu từ việc khai thác giá trị tăng thêm từ đất trong khu vực TOD;

c) Phí cải thiện hạ tầng.

2. Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quy định chi tiết phương pháp xác định mức thu, thẩm quyền, trình tự, thủ tục thực hiện việc thu tiền đối với các khoản thu quy định tại khoản 1 Điều này bảo đảm không trùng thu với các loại thuế, phí khác.

3. Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh được vay thông qua phát hành trái phiếu chính quyền địa phương, vay từ các tổ chức tài chính trong nước, các tổ chức khác trong nước và từ nguồn vay nước ngoài của Chính phủ vay về cho Thành phố vay lại và các hình thức huy động vốn hợp pháp khác với tổng mức dư nợ vay không vượt quá 120% số thu ngân sách Thành phố Hồ Chí Minh được hưởng theo phân cấp, trường hợp vượt quá 120% thì Quốc hội xem xét, điều chỉnh tăng mức dư nợ vay phù hợp theo nhu cầu thực tế của Thành phố Hồ Chí Minh.

Hàng năm, trong quá trình chấp hành ngân sách, Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh được chủ động quyết định cụ thể nguồn vay trong nước và nguồn vay lại vốn vay nước ngoài của Chính phủ bảo đảm trong tổng mức dư nợ vay và bội chi ngân sách Thành phố Hồ Chí Minh đã được Quốc hội quyết định, Thủ tướng Chính phủ giao.

4. Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức thẩm định và phê duyệt báo cáo thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; cấp giấy phép môi trường trước khi dự án đường sắt đô thị, dự án đường sắt đô thị theo mô hình TOD vận hành thử nghiệm (nếu dự án thuộc đối tượng thực hiện thủ tục cấp giấy phép môi trường), đăng ký môi trường (nếu dự án không thuộc đối tượng cấp giấy phép môi trường).

Điều 10. Tổ chức thực hiện

1. Trong thời gian Quốc hội không họp, Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định bổ sung, điều chỉnh cơ chế, chính sách đặc thù, đặc biệt quy định tại các điều 4, 5, 6, 7, 8 và 9 của Nghị quyết này.

2. Chính phủ chịu trách nhiệm trước Quốc hội trong việc:

a) Tổ chức thực hiện, quản lý đầu tư hệ thống mạng lưới đường sắt đô thị tại thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh theo đúng Nghị quyết này và quy định của pháp luật có liên quan;

b) Quản lý, sử dụng vốn và các nguồn lực tiết kiệm, hiệu quả, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; thông tin đầy đủ để người dân hiểu, đồng thuận về phát triển hệ thống mạng lưới đường sắt đô thị tại thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh;

c) Quyết định điều chỉnh danh mục dự án dự kiến tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này trên cơ sở đề nghị của Ủy ban nhân dân Thành phố;

d) Quy định nội dung được giao và hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị quyết này theo thẩm quyền.

3. Đối với việc lựa chọn nhà đầu tư, nhà thầu các gói thầu EPC, gói thầu tư vấn sử dụng nhà thầu nước ngoài, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Xây dựng, Bộ Tài chính, Thanh tra Chính phủ, Kiểm toán nhà nước có trách nhiệm cử đại diện tham gia tổ thẩm định khi được cơ quan có thẩm quyền mời.

4. Kiểm toán nhà nước có trách nhiệm kiểm toán hồ sơ tổng mức đầu tư đã được hoàn thiện theo báo cáo thẩm định của cấp quyết định đầu tư để làm cơ sở phê duyệt dự án đường sắt đô thị, công trình đường sắt đô thị thuộc dự án đường sắt đô thị theo mô hình TOD và gửi kết quả kiểm toán cho cấp quyết định đầu tư trong thời hạn không quá 30 ngày kể từ khi nhận được đầy đủ hồ sơ đề nghị kiểm toán.

5. Hội đồng nhân dân Thành phố có trách nhiệm sau đây:

a) Quy định chi tiết nội dung được giao tại Nghị quyết này;

b) Giám sát việc tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

6. Ủy ban nhân dân Thành phố có trách nhiệm sau đây:

a) Chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này bảo đảm công khai, minh bạch, hiệu quả, khả thi và tiến độ, không để trục lợi chính sách, thất thoát,

lãnh phí; chỉ đạo các sở, ngành, địa phương tổ chức thực hiện bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất, hiệu quả;

b) Huy động các doanh nghiệp đầu tư phương tiện; tiếp tục tái cơ cấu, xây dựng mô hình quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng bảo đảm thống nhất, hiện đại, hiệu quả; tham gia phát triển công nghiệp đường sắt;

c) Kiện toàn tổ chức được giao triển khai thực hiện quản lý đầu tư dự án đường sắt đô thị, dự án đường sắt đô thị theo mô hình TOD bảo đảm năng lực, kinh nghiệm theo quy định của pháp luật về xây dựng và pháp luật có liên quan;

d) Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong việc tổ chức thực hiện quy định tại Điều 8 của Nghị quyết này;

đ) Sơ kết việc thực hiện Nghị quyết này sau 02 năm thực hiện.

7. Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội, các Đoàn đại biểu Quốc hội, đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 11. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày thông qua, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này và được thực hiện cho đến khi hoàn thành việc đầu tư các dự án thuộc danh mục dự án dự kiến tại Phụ lục kèm theo Nghị quyết này.

2. Quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 5, Điều 6, điểm a và điểm b khoản 3 Điều 7, khoản 2 Điều 9 của Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 5 năm 2025.

3. Đối với dự án thuộc danh mục dự án dự kiến tại Phụ lục kèm theo Nghị quyết này đã được cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành, Ủy ban nhân dân Thành phố có thẩm quyền, trách nhiệm sau đây:

a) Quyết định việc áp dụng các quy định của Nghị quyết này cho các hoạt động tiếp theo chưa được thực hiện mà không phải phê duyệt lại chủ trương đầu tư dự án;

b) Chịu trách nhiệm điều chỉnh quyết định đầu tư mà không phải thực hiện thủ tục điều chỉnh chủ trương đầu tư trong trường hợp điều chỉnh dự án.

4. Việc phát triển hệ thống mạng lưới đường sắt đô thị tại thành phố Hà Nội theo danh mục dự án dự kiến tại Phụ lục kèm theo Nghị quyết này được áp dụng theo quy định của Nghị quyết này mà không phải thực hiện theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 31, điểm a khoản 2 và khoản 3 Điều 37 của Luật Thủ đô.

5. Trường hợp có quy định khác nhau về cùng một vấn đề giữa Nghị quyết này với luật, nghị quyết khác của Quốc hội thì áp dụng quy định của Nghị quyết này, trừ trường hợp quy định tại khoản 6 Điều này.

6. Trường hợp luật, nghị quyết của Quốc hội ban hành sau ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành có quy định cơ chế, chính sách ưu đãi hoặc thuận lợi hơn quy định của Nghị quyết này thì việc áp dụng do Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định.

Nghị quyết này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, Kỳ họp bất thường lần thứ 9 thông qua ngày 19 tháng 02 năm 2025.



Trần Thanh Mẫn

Phụ lục
DANH MỤC DỰ ÁN DỰ KIẾN
MẠNG LƯỚI ĐƯỜNG SẮT ĐÔ THỊ
TẠI THÀNH PHỐ HÀ NỘI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
(Kèm theo Nghị quyết số: 188/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội)

TT	Tên dự án	Dự kiến tiến độ thực hiện		
		2026-2030	2031-2035	2036-2045
A	THÀNH PHỐ HÀ NỘI			
1	Tuyến 1: Ngọc Hồi - Yên Viên - Như Quỳnh			
-	Đoạn Ngọc Hồi - Yên Viên		x	
-	Đoạn Gia Lâm - Dương Xá		x	
2	Tuyến 2: Nội Bài - Thượng Đình - Bưởi			
-	Đoạn Nam Thăng Long - Trần Hưng Đạo	x		
-	Đoạn Trần Hưng Đạo - Thượng Đình	x		
-	Đoạn Nam Thăng Long - Nội Bài	x		
-	Đoạn kéo dài đi Sóc Sơn		x	
-	Đoạn Trần Hưng Đạo - Chợ Mơ - Ngã Tư Sở - Hoàng Quốc Việt			x
3	Tuyến 2A: Cát Linh - Hà Đông - Xuân Mai			
-	Đoạn Cát Linh - Hà Đông (đã đưa vào khai thác từ ngày 06/11/2021)	x		
-	Đoạn kéo dài đi Xuân Mai		x	
4	Tuyến 3: Trôi - Nhón - Yên Sở			
-	Đoạn Nhón - ga Hà Nội (đoạn Nhón - Cầu Giấy đã đưa vào khai thác từ ngày 08/08/2024)	x		
-	Đoạn ga Hà Nội - Yên Sở (Hoàng Mai)	x		
-	Đoạn Nhón - Trôi và kéo dài đi Sơn Tây		x	
5	Tuyến 4: Mê Linh - Sài Đồng - Liên Hà		x	
6	Tuyến 5: Văn Cao - Hòa Lạc	x		
7	Tuyến 6: Nội Bài - Ngọc Hồi		x	

TT	Tên dự án	Dự kiến tiến độ thực hiện		
		2026 -2030	2031- 2035	2036- 2045
8	Tuyến 7: Nội Bài - Mê Linh - Hà Đông			
-	Đoạn Hà Đông - Mê Linh		x	
-	Đoạn Mê Linh - Nội Bài			x
9	Tuyến 8: Sơn Đồng - Mai Dịch - Vành đai 3 - Lĩnh Nam - Dương Xá		x	
10	Tuyến vệ tinh: Sơn Tây - Hòa Lạc - Xuân Mai		x	
11	Tuyến 1A: Ngọc Hồi - Sân bay thứ 2 phía Nam			x
12	Tuyến 9: Mê Linh - Cổ Loa - Dương Xá			x
13	Tuyến 10: Cát Linh - Láng Hạ - Lê Văn Lương - Yên Nghĩa			x
14	Tuyến 11: Vành đai 2 - Trục phía Nam - Sân bay thứ 2			x
15	Tuyến 12: kéo dài Tuyến vệ tinh từ Xuân Mai đi Phú Xuyên			x
B	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH			
1	Tuyến 1: Suối Tiên - Bến Thành - An Hạ			
-	Bến Thành - Suối Tiên (đã đưa vào khai thác từ ngày 22/12/2024)	x	x	
-	Bến Thành - An Hạ	x	x	
2	Tuyến 2: Củ Chi - QL22 - An Sương - Bến Thành - Thủ Thiêm			
-	Bến Thành - Tham Lương	x	x	
-	Bến Thành - Thủ Thiêm	x	x	
-	Tham Lương - Củ Chi	x	x	
3	Tuyến 3: Hiệp Bình Phước - Bình Triệu - Ngã 6 Cộng Hòa - Tân Kiên - An Hạ	x	x	
4	Tuyến 4: Đông Thạnh (Hóc Môn) - sân bay Tân Sơn Nhất - Bến Thành - Nguyễn Hữu Thọ - Khu đô thị Hiệp Phước	x	x	

TT	Tên dự án	Dự kiến tiến độ thực hiện		
		2026-2030	2031-2035	2036-2045
5	Tuyến 5: Long Trường - Xa lộ Hà Nội - cầu Sài Gòn - Bảy Hiền - Đê-pô Đa Phước	x	x	
6	Tuyến 6: Vành đai trong	x	x	
7	Tuyến 7: Tân Kiên - đường Nguyễn Văn Linh - Thủ Thiêm - Thảo Điền - Thanh Đa - Khu Công nghệ cao - Vinhomes Grand Park	x	x	
8	Tuyến 8: Đa Phước - Phạm Hùng - Ngô Gia Tự - Ga Sài Gòn - Công viên phần mềm Quang Trung - Học Môn - Bình Mỹ (Củ Chi)			x
9	Tuyến 9: An Hạ - Vĩnh Lộc - Ga Sài Gòn - Bình Triệu			x
10	Tuyến 10: Vành đai ngoài			x